

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ HOÀNG ĐIỂM THU

**TÍNH THIỆN TRONG TƯ TƯỞNG CỦA
MẠNH TỬ VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
CHO THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. LÊ THỊ TUYẾT BA**

Phản biện 1: **TS. NGÔ VĂN HÀ**

Phản biện 2: **PGS.TS. LÊ VĂN ĐÌNH**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 6 tháng 9 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thời Xuân Thu - Chiến Quốc là thời kỳ quá độ từ xã hội chiếm hữu nô lệ sang xã hội phong kiến ở Trung Quốc cổ đại. Lúc này xã hội Trung Quốc đang chuyển mình dữ dội, kinh tế phát triển, tầng lớp quốc dân xuất hiện, đặc biệt là sự ra đời của các thành thị tự do phồn vinh và những thành quả trên lĩnh vực khoa học tự nhiên, là nguồn động lực quan trọng cho sự phát triển của tư tưởng thời kỳ này. Thời kỳ này tình trạng lễ nghĩa, cương thường bị đảo lộn, đạo đức xã hội suy đồi, khát vọng quyền lực của các tập đoàn thống trị được đẩy lên đến đỉnh điểm đã đặt ra một câu hỏi lớn về đạo lý, nhân luân buộc các trường phái triết học, các nhà tư tưởng phải giải quyết, đó là làm thế nào để “tu thân tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”.

Chính trong điều kiện lịch sử đặc biệt đó đã nảy sinh nhiều quan điểm, học thuyết khác nhau về bản tính con người và các phương pháp giáo dục đạo đức con người nhằm cải biến xã hội, như quan điểm “nhân trị”, “chính danh định phận” của Khổng Tử; quan điểm “khiêm ái”, “thượng hiền”, “thượng đồng” của Mặc Tử; quan điểm “tính ác”, “lễ trị” và “pháp trị” của Tuân Tử; quan điểm “vô vi” của Lão Trang; quan điểm “pháp trị” của Hàn Phi và đặc biệt là quan điểm “tính thiện trong con người” của Mạnh Tử.

Mạnh Tử được xem là bậc “Á thánh” của hệ tư tưởng này, có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ và cho đến cả ngày nay.

Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra những yêu cầu to lớn về chất lượng nguồn lực con người. Đó là sự phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và nhân cách nói chung của con người Việt Nam, mà trước hết là của thế hệ

trẻ. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, tình trạng suy thoái đạo đức diễn ra ngày càng gay gắt, nhất là đối với thế hệ trẻ. Cụ thể là một bộ phận không nhỏ thanh-thiếu niên có biểu hiện suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng, sa hoa, lãng phí, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước. Với vai trò quan trọng của thế hệ trẻ nếu để tình trạng suy thoái đạo đức kéo dài và trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường cho sự phát triển của đất nước.

Do đó, đẩy mạnh giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ là góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ định hướng xã hội chủ nghĩa, chống lại âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực đế quốc chủ nghĩa nhằm thực hiện một cách tinh vi, thâm độc mà một trong những mũi tiến công là tàn phá đạo đức, nhân cách của thế hệ trẻ

Tính thiện trong tư tưởng của Mạnh Tử nếu như gạt bỏ những hạn chế về điều kiện lịch sử và dấu ấn của lợi ích giai cấp, nó vẫn còn hàm chứa những giá trị nhân bản, giá trị đạo đức có tính phổ biến, những bài học bổ ích trong việc xây dựng nhân cách và bồi dưỡng lòng nhân ái ở thế hệ trẻ cũng như ở mỗi người trong cộng đồng.

Xuất phát từ những lý do trên, có thể nói việc nghiên cứu, kế thừa có phê phán và chọn lọc những tinh hoa của nhân loại trong các học thuyết triết học, đặc biệt là quan niệm tính thiện của Mạnh Tử là việc làm có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Đó chính là lý do tôi quyết định chọn đề tài: ***“Tính thiện trong tư tưởng của Mạnh Tử với việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay”*** làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ

2.1. Mục đích:

Trên cơ sở nghiên cứu tính thiện trong tư tưởng của Mạnh Tử, luận văn khẳng định giá trị của quan niệm tính thiện từ đó vận dụng vào việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ:

Để đạt được mục đích nói, trên luận văn đã thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như sau:

+ Làm rõ nội dung cơ bản về tính thiện trong tư tưởng của Mạnh Tử .

+ Phân tích giá trị và hạn chế, đồng thời thấy được ý nghĩa và sự cần thiết phải kế thừa những yếu tố tích cực về quan niệm tính thiện trong tư tưởng của Mạnh Tử.

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu tư tưởng của Mạnh Tử về quan niệm tính thiện và ý nghĩa của tư tưởng đó trong điều kiện hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Trong phạm vi của luận văn, đề tài đi sâu phân tích một số nội dung biểu hiện tính thiện, phương pháp giáo dục tính thiện trong tư tưởng Mạnh Tử và việc kế thừa những giá trị tích cực nhằm giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận:

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng - chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, và đường

lối của Đảng ta về vấn đề đạo đức, xây dựng đạo đức cho con người Việt Nam trong các văn kiện Đại hội Đảng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn là phương pháp luận chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong đó các nguyên tắc cơ bản được thực hiện là: thống nhất giữa quy nạp và diễn dịch; thống nhất giữa phân tích, tổng hợp; thống nhất giữa lịch sử - lôgic.

Đồng thời, luận văn sử dụng một số phương pháp khoa học khác như: đối chiếu, so sánh, khái quát hóa, trên tinh thần lý luận kết hợp với thực tiễn.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo; Luận văn gồm có 2 chương, 6 tiết

Chương 1: Quan niệm tính thiện của Mạnh Tử

Chương 2: Ý nghĩa quan niệm tính thiện của Mạnh Tử với việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.

Nghiên cứu vấn đề đạo đức nói chung và đạo đức của thanh niên nói riêng là chủ đề luôn thu hút sự quan tâm của nhiều tác giả trong nước.

Trước hết, là các công trình nghiên cứu về đạo đức trong triết học Khổng-Mạnh mà tiêu biểu là các công trình: Phạm Đình Đạt (2009), *Học thuyết tính thiện của Mạnh Tử với việc giáo dục đạo đức ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội ; Nguyễn Thị Lan Minh (2012), *Phạm trù lễ của Khổng Tử và ý nghĩa của nó đối với việc giáo dục đạo đức cho học sinh Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sĩ.

Các công trình kể trên đã trình bày, phân tích sâu sắc tình hình chính trị - xã hội Trung Quốc thời Xuân thu - Chiến quốc và những nội dung cơ bản về tính thiện, về đức trị từ đó rút ra ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay.

Thứ hai: Các công trình kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đạo đức, lối sống của thanh niên.

Các nghiên cứu theo hướng này có thể kể đến:

Nguyễn Đình Đức, Thái Duy Tuyên, (1994), (chủ nhiệm đề tài KX – 07), *“Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường”*; Trần Sĩ Phán (1999), *“Giáo dục đạo đức đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”* (Luận án TS triết học); Đỗ Ngọc Hà (2000), *“Định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam”* (Luận án TS); Nguyễn Đình Quế (2000), *“Quan hệ kinh tế và đạo đức với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ hiện nay ở Việt Nam”* (Luận văn thạc sĩ); Huỳnh Khải Vinh (chủ biên) (2001), *“Một số vấn đề về lối sống đạo đức, chuẩn giá trị xã hội”*; Đoàn Văn Khiêm (2001), *“Lý tưởng đạo đức và việc giáo dục lý tưởng đạo đức cho thanh niên trong điều kiện hiện nay”*; Phan Thị Mai Hương (chủ biên) (2002), *“Tinh cộng đồng, tính cá nhân và cái tôi của thanh niên Việt Nam”*; Lê Thị Hoài Thanh (Luận án TS Triết học) (2003), *“Quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay”*; Trương Văn Phước (chủ nhiệm đề tài khoa học) (2003), *“Đạo đức sinh viên trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam – thực trạng, vấn đề và giải pháp”*; Doãn Thị Chín (2004), *“Vấn đề giáo dục đạo đức truyền thống cho sinh viên Việt Nam hiện nay”* (Luận văn thạc sĩ); Bùi Ngọc Minh (2004), *“Giáo dục*

các giá trị truyền thống dân tộc cho thanh niên hiện nay"; Nguyễn Duy Quý (2006), *"Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp"*; Trình Duy Huy (2009), *"Xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa"*; Phạm Hồng Tung (2010), (Đề tài khoa học cấp Nhà nước), *"Thực trạng và xu hướng biến đổi lối sống của thanh niên"*; Lê Thị Tuyết Ba (chủ biên) (2010), *"Ý thức đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay"*.

Ngoài ra, trên một số tạp chí nghiên cứu điển hình là Tạp chí Triết học cũng có một số bài nghiên cứu về giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam, chẳng hạn bài: *"Sự biến đổi định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường"* của Thái Duy Tuyên, Tạp chí triết học, số 5-1995; *"Vì sao Hồ Chí Minh lại đặc biệt chú trọng đến vấn đề đạo đức?"* của Hoàng Trung, Tạp chí Triết học, số 4, 2000; *"Tình cảm đạo đức và giáo dục tình cảm đạo đức trong điều kiện hiện nay"* của Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Triết học, số 6, (2000); *"Giá trị đạo đức và sự biểu hiện của nó trong đời sống xã hội"* của Mai Xuân Lợi, Tạp chí Triết học, số 2, (2001); *"Một số biểu hiện của sự biến đổi giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục"* của Nguyễn Đình Tường; Tạp chí Triết học, số 3, (2001); *"Lý tưởng đạo đức và việc giáo dục lý tưởng đạo đức cho thanh niên trong điều kiện hiện nay"* của Đoàn Văn Khiêm, Tạp chí Triết học, số 6, (2002); *"Khoa học công nghệ và đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường"* của Nguyễn Đình Hòa, Tạp chí Triết học, số 6, (2002); *"Từ (cái thiện) truyền thống đến (cái thiện) trong cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay"* của Nguyễn Hùng Hậu, Tạp chí Triết học, số 8, (2002).

CHƯƠNG 1

QUAN NIỆM TÍNH THIỆN CỦA MẠNH TỬ

1.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN NIỆM TÍNH THIỆN CỦA MẠNH TỬ

1.1.1. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội Trung Quốc cổ đại với việc hình thành quan niệm tính thiện của Mạnh Tử

Thời kỳ Xuân Thu được đánh dấu bằng sự kiện Chu Bình Vương dời đô về phía Đông đến Lạc Ấp (năm 771 tr.CN). Đây là thời kỳ giao thời giữa hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ suy tàn và hình thái kinh tế - xã hội phong kiến sơ kỳ và cũng là thời kỳ phát triển rực rỡ của triết học Trung Quốc.

Về mặt kinh tế: Sự ra đời của đồ sắt đã tạo ra một cuộc cách mạng trong công cụ sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế cổ đại Trung Quốc phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực.

Quan hệ sản xuất cũng thay đổi. Chế độ “tình điền” dần tan rã, chế độ tư hữu ruộng đất từng bước được hình thành, nhà nước đã ban hành chế độ thu thuế mới đánh vào từng mẫu ruộng (gọi là thuế sơ mẫu), bãi bỏ hình thức thu thuế cũ.

Sản xuất thủ công nghiệp phát triển, thúc đẩy việc mở rộng quan hệ trao đổi sản phẩm lao động, trình độ chuyên nghiệp cao ngày càng cao, mở ra cơ hội cho một loạt ngành nghề thủ công ra đời, phát triển, như nghề luyện sắt, nghề rèn, nghề đúc, nghề mộc, nghề làm đồ gốm v.v.. và nó có ý nghĩa tích cực trong việc giải phóng sức lao động, góp phần phá vỡ nền kinh tế thuần nông, nâng cao đời sống của người dân Trung Quốc thời cổ đại.

Thương nghiệp cũng phát triển, tiền tệ ra đời, trong xã hội hình thành một tầng lớp thương nhân giàu có, danh tiếng ngày càng có thể lực, ảnh hưởng đối với đời sống chính trị xã hội đương thời.

Về chính trị - xã hội: Trước hết, đó là sự phân hóa trong cơ cấu giai cấp thống trị. Nếu như thời Tây Chu, giai cấp thống trị chỉ bao gồm những quý tộc, chủ nô, thì đến thời Xuân thu tầng lớp tự do, vì giàu có tài ba mà trở nên có thể lực bắt đầu chi phối xã hội theo cách của mình và đe dọa trực tiếp đến thế và lực của nhà Chu.

Chế độ tông pháp nhà Chu không còn được tôn nghiêm, quan hệ giữa thiên tử và các nước chư hầu ngày càng lỏng lẻo. Nhân cơ hội này nhiều nước đua nhau động binh mở rộng quyền lực chính trị, kinh tế của mình nhằm thôn tính các nước nhỏ, tranh giành địa vị bá chủ thiên hạ. Chiến tranh triền miên, khốc liệt giữa các nước chư hầu, các quý tộc đã tàn phá xã hội nghiêm trọng, thúc đẩy mâu thuẫn xã hội thời Xuân thu lên đỉnh điểm.

Như vậy, trước những biến đổi toàn diện phức tạp và sâu sắc của xã hội Trung Hoa thời Xuân thu - Chiến quốc đã đặt ra hàng loạt những vấn đề về triết học, chính trị - xã hội, luân lý, đạo đức, pháp luật, quân sự, v.v... thúc đẩy, yêu cầu các triết gia đương thời phải trăn trở, tìm hiểu, nghiên cứu để đưa ra những diệu kế “cứu người”, “cứu đời”, “tề gia trị quốc bình thiên hạ” trong đó có quan niệm tính thiện của Mạnh Tử.

1.1.2. Một số tiền đề tư tưởng ảnh hưởng đến sự hình thành quan niệm tính thiện của Mạnh Tử.

Học thuyết *tiên nghiệm*:

Thứ nhất: Trời hay thượng đế là đáng tối cao với quyền năng tuyệt đối sinh ra con người và vạn vật; quyết định và chi phối số phận, vị trí, đẳng cấp con người trong xã hội.

Thứ hai: Trời hay thượng đế với quyền năng tối cao, công minh có thể giám sát và thưởng phạt con người.

Thứ ba: Bản tính con người là do trời hay thượng đế phú cho, là cái con người sinh ra đã có.

Học thuyết về *nhân tính* (tính, tâm, tình).

Tính được hiểu là cái bẩm sinh, cái nguyên sơ chất phát, là phẩm chất vốn có của con người do trời ban tặng.

Tâm là trái tim, tấm lòng, là khí quan của tư duy, là biểu hiện của trạng thái tâm lý, hoạt động tâm lý của con người, như tư tưởng, tình cảm, ý chí, dự vọng ... nó là tiêu chuẩn cơ bản nhất, trọng yếu nhất của *nhân, lễ, nghĩa, trí*, là đầu mối của tứ đoan.

Tình được hiểu đó là tình cảm của con người và nó được biểu hiện qua bảy loại: ái, ó, hi, nộ, ai, cụ, dục (vui mừng, giận dữ, bi ai, lo lắng, yêu thương, thù ghét, mong muốn).

1.2. NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG QUAN NIỆM TÍNH THIÊN CỦA MẠNH TỬ

1.2.1. Từ quan niệm “tính” của Khổng Tử đến quan niệm “tính thiên” của Mạnh Tử

Khổng Tử (551- 479 tr.CN) Là một trong những người đầu tiên đưa ra khái niệm về tính. Con người trong tư tưởng của Khổng Tử là do trời sinh, trời dưỡng, trong đó, tính là cái bẩm sinh tự nhiên nguyên sơ ban đầu của con người có được từ trời và bản chất của tính người vốn là lành, ai cũng có.

Khổng Tử, người đặt nền móng cho học thuyết của Nho gia đã viết “Người ta thầy đều gần giống nhau, vì ai nấy đều có bản tính lành, nhưng bởi nhiễm thói quen, nên họ thành ra xa nhau” (Tính tương cận dã, tập tương viễn dã) [12, tr.268-269]. Tiếp tục tư tưởng

của Khổng Tử, Mạnh Tử cũng cho rằng bản tính con người ta là thiện và ai cũng có thể trở thành thánh thiện.

Mạnh Tử cho rằng, tính thiện con người được biểu hiện ở bốn đức lớn: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí*. Bốn đức lớn đó nó bắt nguồn từ “tứ đoan”, bốn đầu mối của thiện. Nó tiềm ẩn vốn có trong con người nó như mầm cây trong hạt giống, nó như tứ chi trong cơ thể và nó không phải ở ngoài vào mà tất cả có sẵn nơi tính mình, mình không có là do mình chẳng nghĩ tới. Cho nên nói rằng *nhân, nghĩa, lễ, trí* hễ cầu thì được, bỏ thì mất; được mất là do con người. Ai biết nuôi dưỡng, khuếch sung những đầu mối của *nhân, nghĩa, lễ, trí* thì tứ đoan sẽ nâng lên thành tứ đức dồi dào, phong phú hơn người nhiều lần.

Theo Mạnh Tử con người đều có chung những quan năng và khả năng cảm nhận các sự vật, hiện tượng thế giới xung quanh như mùi vị, âm thanh, màu sắc... như nhau. Nó là cái tiên thiên, bẩm sinh vốn có của con người, là mẫu số chung, điểm tương đồng cội nguồn bản tính thiện của muôn người trong xã hội.

Tâm cũng là một trong ba nguồn gốc của tính thiện. Con người muốn tích thiện và làm thiện, muốn trở thành người có đạo đức cao thượng của bậc quân tử, thánh nhân, giữ được *nhân, nghĩa, lễ, trí* thì phải hướng nội, nhìn ngược lại ở *tâm*, lấy *tâm* làm chuẩn cho nhận thức, hành động chứ không phải hướng ra bên ngoài để nhận thức

Đó chính là quá trình nhận thức và tu dưỡng, “tận tâm” (hết lòng); đạt tới sự hiểu biết sâu sắc về *tính* (trí tính) và cao hơn hết hiểu biết cả trời (tri thiên); nhằm thực hiện hoàn hảo, trọn vẹn và sâu sắc nhất những chuẩn mực cơ bản của đạo làm người mà trời phú cho là *nhân, nghĩa, lễ, trí* để trở thành thánh thiện.

1.2.2. Nội dung tính thiện trong triết học Mạnh Tử

Trọng tâm của quan niệm về tính thiện, nó được biểu hiện trong bốn đức lớn là *nhân, nghĩa, lễ, trí*

Phạm trù *nhân*:

Kế thừa tư tưởng của Khổng Tử trong bối cảnh thời Chiến quốc, Mạnh Tử đã phát triển và làm phong phú phạm trù *nhân* với những sắc thái mới, có chiều sâu nội tâm hơn.

Nhân không chỉ là thuộc tính vốn có, mà còn là thuộc tính cần phải có của con người. Thực chất của đạo làm người là thương người và yêu người. Người có *nhân* phải biết thương xuyên khuếch sung, trải rộng tình thương yêu của mình đến muôn loài, muôn vật.

Nhưng nhân ái phải có phân biệt thứ bậc, có gần xa, có trên dưới, trước hết phải yêu thương những người thân trong gia đình, kế đến là người có tài, có đức, rồi sau đó là người bình thường, đồng thời biết trọng dụng những người tài đức, lên án những kẻ bất nhân. Trên cơ sở đó, Mạnh Tử đề xuất đường lối chính trị là nhân trị.

Phạm trù *nghĩa*:

Mạnh Tử cho rằng *nghĩa* cũng như *nhân* là một trong bốn đức tính – biểu hiện bản tính thiện của con người do trời phú (*nhân, nghĩa, lễ, trí*). Đầu mối của *nhân* là “lòng thương xót” (Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã); thì đầu mối của *nghĩa* là “lòng hổ thẹn” (Tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan già) và “lòng hổ thẹn” là cái vốn có trong tâm con người. Vậy nên *nghĩa* chính là việc thi hành cái lý (lẽ đương nhiên tự bản thân, bản tính con người).

Theo ông, khi lòng hổ thẹn không còn, đức *nghĩa* bị phé bỏ thì các đức khác của tính thiện con người như *nhân, lễ, trí* cũng sẽ mất luôn. Điều đó đòi hỏi lương tâm, hành vi con người gắn với *nghĩa* vụ, bổn phận, trách nhiệm, tức gắn *nghĩa* với *nhân*.

Trên cơ sở đó Mạnh Tử đưa ra đường lối chính trị nhân chính.

Phạm trừ *lễ*:

Cũng giống như Không Tử, *lễ* trong tư tưởng của Mạnh Tử là những nghi thức, quy tắc, chuẩn mực... mang tính khuôn phép rất chặt chẽ, nghiêm ngặt và tất yếu mọi người từ thứ dân cho đến quân tử, thánh nhân ai cũng phải tự giác tuân theo.

Theo Mạnh Tử, *lễ* cũng như *nhân*, *nghĩa* cùng chung nguồn gốc từ tứ đoan, trong đó lòng từ nhượng (biết cung kính) là đầu mối của *lễ*, mang tính bẩm sinh, có sẵn trong tâm do trời phú cho.

Lễ có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội, đối với dân, nhờ có *lễ* mới giữ được bản tính lành vốn có của mình, và chú tâm thực hành nhân nghĩa. *Lễ* giúp cho, phận làm con giữ được chữ hiếu với cha mẹ, giúp cho người quân tử giữ được mực trung: chẳng nghiêm khắc chặt hẹp mà cũng chẳng dễ dãi xuề xòa.

Lễ còn là sự cung kính xuất phát từ thiện tâm, thiện ý của con người. Sự cung kính ấy bao hàm cả bề dưới đối với bề trên và bề trên đối với bề dưới.

Vận dụng *lễ* phải tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể sao cho phù hợp đúng với *lễ* phải. Đó là phép biến hóa của người thực thi *lễ*.

Phạm trừ *tri*:

Nếu lòng trắc ẩn là đầu mối của *nhân*, lòng tu ố là đầu mối của *nghĩa*, lòng từ nhượng là đầu mối của *lễ*, thì lòng biết phải trái là đầu mối của *tri* do trời phú cho con người.

Người có *tri* không chỉ nhận thức và hành động được theo *nhân*, *nghĩa*, *lễ* mà còn biết giáo dục, lôi cuốn mọi người cùng nhận thức, hành động.

Tri cũng có nguồn gốc từ tâm. *Tri* là một trong bốn đức quý biểu hiện thiện có sẵn trong tâm của con người. Mạnh Tử gọi đó là lương tri, lương năng của con người.

Người có *trí* phải là người biết được việc nào nên làm và không nên làm, nắm bắt được bản chất của việc làm, xác định được sự vật thật giả để hành động cho hợp với đạo trung.

1.3. NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ TRONG QUAN NIỆM TÍNH THIỆN CỦA MẠNH TỬ.

1.3.1. Những giá trị trong quan niệm tính thiện của Mạnh Tử.

Thứ nhất: Mạnh Tử đã phát hiện ra bản chất tốt đẹp của con người - bản tính thiện, tin tưởng rằng ai cũng có thể trở thành thánh thiện. Điều đó có ý nghĩa xã hội tích cực, tính nhân văn sâu sắc.

Thứ hai: Mạnh Tử đã xây dựng nên một hệ thống các phạm trù *nhân, nghĩa, lễ, trí* khá phong phú và sâu sắc.

Thứ ba: Đề ra phương pháp giáo dục tính thiện cho con người.

Thứ tư: Những quan điểm về bản tính thiện con người của Mạnh Tử không những đã trở thành cơ sở lý luận cho các kế sách chính trị của hầu hết các vương triều phong kiến Trung Hoa, mà còn có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống đạo đức xã hội ở một số nước Phương Đông.

1.3.2. Những hạn chế trong quan niệm tính thiện của Mạnh Tử.

Thứ nhất: Tính chất tiên nghiệm luận thần bí trong quan niệm về bản tính, đạo đức và sinh mệnh con người vì con người muốn hướng thiện phải cầu từ cái tâm tĩnh lặng, theo quy tắc đạo đức “tận tâm”, “phản tỉnh nội tâm” là có thể hiểu được trời, thấu được đạo lý

Thứ hai: Dấu ấn phân biệt đẳng cấp, danh phận khá đậm nét và sâu sắc bởi theo ông thì chỉ những bậc thánh nhân, quân tử mới là người chủ động nuôi dưỡng, khuyến sung được tính thiện, còn những kẻ thường dân chỉ là những người thụ động, không tự mình làm được thiện.

CHƯƠNG 2

Ý NGHĨA QUAN NIỆM TÍNH THIÊN CỦA MẠNH TỬ VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẠO ĐỨC CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Quan điểm của Đảng ta về vai trò của thế hệ trẻ và giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ

Thế hệ trẻ là lực lượng quan trọng của mỗi dân tộc. Sự phát triển của thế hệ trẻ không những quyết định đến vận mệnh và tương lai của dân tộc mà còn ảnh hưởng tới tương lai của nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, tuổi trẻ không những là người kế tục các thế hệ đi trước mà còn là tương lai của đất nước, của dân tộc và Người còn nhấn mạnh: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên” [47,tr.185].

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò quan trọng của thanh niên và công tác thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đảng ta khẳng định: Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhận những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo.

Đảng ta đã đặt niềm tin sâu sắc vào thế hệ trẻ, phát huy vai trò làm chủ và tiềm năng to lớn của thế hệ trẻ để họ thực hiện được sứ mệnh lịch sử, đi đầu trong cuộc đấu tranh chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng và bảo vệ đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

2.1.2. Thực trạng đạo đức của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.

Về mặt tích cực:

Thứ nhất: Phát huy tinh thần yêu nước, quan tâm và tin tưởng vào tương lai đất nước, sống có lý tưởng, hoài bão, chấp hành pháp luật, xa lánh các tệ nạn xã hội, sẵn sàng đem tài năng, tâm huyết phụng sự nước nhà, giữ gìn hình ảnh đẹp đẽ về đất nước, con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Thứ hai: Có động cơ học tập nghiêm túc và tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học với tinh thần vượt khó. Trong thực tiễn đã và đang xuất hiện một lớp thanh niên tiên tiến trong học tập, lao động và công tác.

Thứ ba: Kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, đoàn kết, nhân ái và có tinh thần cộng đồng, biết hy sinh vì người khác.

Về mặt hạn chế:

Thứ nhất: Xa rời các giá trị truyền thống, lý tưởng sống mờ nhạt, các tệ nạn xã hội gia tăng.

Hai là: Xem nhẹ yếu tố đạo đức trong quan hệ đức – tài nó phá vỡ sự cân bằng trong quan hệ đức - tài.

Thứ ba: Xu hướng coi trọng giá trị vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần.

2.2. KẾ THỪA PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TÍNH THIỆN CỦA MẠNH TỬ VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

2.2.1. Phương pháp tồn tâm, dưỡng tính và dưỡng khí.

Mạnh Tử khẳng định bản tính con người sinh ra vốn là thiện. Nhưng con người cần phải làm gì và bằng cách nào để bảo tồn, phát

triển được tính thiện. Theo Mạnh Tử con người cần sử dụng phương pháp *tồn tâm, dưỡng tính* và *dưỡng khí* để giữ tính thiện

“*Tồn tâm*” nghĩa là phải giữ gìn, bảo vệ, nuôi dưỡng lấy cái tâm; đừng để cái tâm dao động, thất lạc, mất đi (câu kỳ phóng tâm).

“*Dưỡng tính*” nghĩa là nuôi dưỡng, dưỡng dục, chăm sóc cho cái tính ngày càng sinh sôi nảy nở, phát triển.

“*Dưỡng khí*” là thường xuyên quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng cái khí ngày đêm sung mãn, lớn mạnh, không được làm gì gây tổn hại đến cái khí.

Thực chất của phương pháp này của Mạnh Tử là nhằm nuôi dưỡng, phát triển bản tính thiện trời phú cho con người. Theo ông con người muốn làm thiện thì phải: Bảo tồn lòng dạ mình, bồi dưỡng bản tính của mình (*Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính*).

Vậy tại sao con người phải tồn tâm, dưỡng tính và dưỡng khí?

Trước hết, do *tâm* là cơ quan của tư duy, là nguồn gốc của tính thiện nhờ có *tâm* con người mới nhận thức được vạn sự, vạn vật; phân biệt được phải trái, đúng sai, chính tà.

Thứ hai, tuy con người sinh ra ai cũng có mỗi thiện đạo đức, nhưng họ có trở thành người có đạo đức hay không còn tùy thuộc vào khả năng mở rộng, phát triển những mỗi thiện đạo đức của họ đến mức nào. Vậy nên, muốn làm người có đủ *nhân, nghĩa, lễ, trí* cần phải *tồn tâm, dưỡng tính* bất luận họ là ai.

Thứ ba, hoàn cảnh cuộc sống là một trong những nhân tố khách quan có ý nghĩa quyết định đến việc còn hay mất, phát triển hay tàn lụi mỗi thiện đạo đức trong tâm con người. Điều đó đòi hỏi con người càng phải *tồn tâm, dưỡng tính* để chiến thắng, chế ngự hoàn cảnh, bất luận hoàn cảnh nào cũng không được để mất cái tâm,.

Để *tôn tâm, dưỡng tính*, việc đầu tiên quan trọng nhất có tính quyết định là phải giữ bản thân, chân tâm, tức là phải chính tâm và giữ cái tâm bản lai, thanh tịnh, noi theo những điều *nhân, nghĩa, lễ, trí*, là thấy tâm, phải thường xuyên ngăn chặn thủ tiêu các dục vọng cá nhân.

Cùng với *tôn tâm, dưỡng tính* là *dưỡng khí*. Bởi *khí* cũng là phần quý trọng, to tát trời phú cho con người như tâm tính. Khí lưu hành khắp cả vũ trụ, ngưng tụ lại thành hình thể, tạo nên vạn vật và con người. Quá trình bồi dưỡng khí hạo nhiên đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, bền bỉ, thận trọng, tập trung, tuân theo những lẽ tự nhiên đặc biệt, không được nóng vội.

2.2.2. Pháp thiên vương (những phép tắc, chuẩn mực, đạo lý).

Giáo dục tính thiện cho con người theo Mạnh Tử không chỉ có tuân theo phương pháp *tôn tâm, dưỡng tính và dưỡng khí* mà còn phải tuân theo những phép tắc, chuẩn mực, đức độ, đạo lý của các bậc thánh hiền xưa. Những phép tắc chuẩn mực ấy Mạnh Tử gọi là “*pháp thiên vương*” Nó giống như “cái thước nách”, “cái bay”, “cái dây mực” và “sáu luật âm dương” mà người đời sau phải mang ra sử dụng.

Vậy con người cần làm gì để “*Pháp thiên vương*” có hiệu quả nhất?. Trước hết đối với người dạy cần phải tuyệt đối giữ nghiêm, trung thành với phép tắc, chuẩn mực, đạo lý, đó là yêu cầu có tính nguyên tắc bất di bất dịch. Người dạy phải tự sửa lấy mình, luôn giữ tâm mình cho chính, biết hổ thẹn về việc làm sai trái, biết liêm sĩ về sự xấu xa của mình. Nếu người dạy không nhận thức được điều đó, thì hiệu quả việc dạy khó lòng mà đạt được, người dạy có những

phương pháp và nội dung dạy học khác nhau để người học rõ thông đạo lý. Điều đó thuộc về thủ pháp, nghệ thuật của người dạy.

Mạnh tử cho rằng chính phủ cần thành lập hệ thống trường dạy học để dạy cho dân biết rõ nhân luân, nét hiếu và nét đễ.

Ngoài ra, Mạnh Tử còn hướng tới việc dạy “đạo trị nước” cho con người với mục đích quan trọng là đào tạo ra những con người có đức, có tài để bổ sung vào đội ngũ quan lại.

Với ý nghĩa đó, ngày nay để giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ chúng ta có thể kế thừa những yếu tố hợp lý của phương pháp giáo dục đạo đức trong quan niệm *tính thiện* của Mạnh Tử đó chính là:

Thứ nhất: Về tu thân, thế hệ trẻ phải tự rèn luyện bản thân bằng việc ra sức tu dưỡng lòng nhân ái, tình yêu thương đối với mọi người, mà trên hết là yêu thương những người trong gia đình, sau đó là yêu thương mọi người xung quanh. Đồng thời, mỗi người phải sửa mình theo lễ nghĩa, phép tắc ứng xử đúng địa vị để nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp, cổ động những hành vi đạo đức tốt, uốn nắn những hành vi chưa thật sự phù hợp, phòng ngừa những mầm họa, những hành vi quá khích, quá lớn, cực đoan ảnh hưởng đến nhân cách của thế hệ trẻ..

Thứ hai: Lòng nhân ái, trong gia đình thế hệ trẻ phải hiếu thảo với ông bà cha mẹ, anh chị em phải hòa thuận thương yêu nhau, phát huy truyền thống nhân ái, yêu thương mọi người, cởi mở, khoan dung, thâm nhuần tinh thần lạc quan, tin tưởng vào sự chiến thắng của cái chính nghĩa, cái đẹp, sẵn sàng cự mang những ai gặp hoạn nạn, khó khăn, bất hạnh, phê phán những thói hư tật xấu.

Thứ ba: Đề cao những phép tắc chuẩn mực trong việc nâng cao đạo đức của người thầy. Thầy có trách nhiệm phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng thực hành của học sinh.

Như vậy, tư tưởng về giáo dục đạo đức của Mạnh Tử là khá toàn diện, ông đã đề cập đến sự cần thiết, mục đích, nội dung nguyên tắc của giáo dục. Đó là những vấn đề mà bất cứ một nền giáo dục nào, thời đại nào cũng phải quan tâm, nghiên cứu, kế thừa.

2.3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THẾ HỆ TRẺ THEO QUAN NIỆM TÍNH THIỆN CỦA MẠNH TỬ

2.3.1. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở kinh tế tạo điều kiện vật chất cho sự phát triển đạo đức của thế hệ trẻ.

Mạnh Tử cho rằng, đời sống vật chất có ổn định thì đời sống tinh thần mới ổn định. Người dân chỉ có ổn định về đời sống vật chất thì mới toàn tâm, toàn ý phụng sự chế độ, nếu không được ổn định về đời sống vật chất thì làm sao tâm trí có thể ổn định được. Tức là muốn có “hằng tâm” thì phải có “hằng sản”. Trong đó “hằng sản”(phát triển kinh tế, đời sống vật chất) là tiền đề, điều kiện của “hằng tâm” (đời sống đạo đức, luân lý, tinh thần) còn không có “hằng tâm” là hệ quả tất yếu của không có “hằng sản”. Và theo Mạnh Tử, không có “hằng tâm” là nguyên nhân trực tiếp của mọi hành động phóng túng, tà vạy, xa xỉ...của con người.

Vì vậy, hơn lúc nào hết, hiện nay đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, đồng thời phải quan tâm đầy đủ đến vấn đề đạo đức, đẩy mạnh giáo dục, rèn luyện và tăng cường quản lý đạo đức trong Đảng và trong nhân dân nhằm tạo ra môi trường xã hội

lành mạnh, tỏ rõ tính ưu việt của đạo đức mới, và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Với ý nghĩa đó chúng ta cần làm tốt công tác giáo dục và tự giáo dục về thái độ và trách nhiệm của thanh niên đối với lao động, xây dựng phong cách làm việc văn minh, khoa học, tiến hành giáo dục và tự giáo dục để hình thành nhận thức đúng đắn của thanh niên về nghề nghiệp, việc làm nâng cao tính tích cực, chủ động của thanh niên trong việc nâng cao trình độ nghề nghiệp và giải quyết việc làm. Cơ bản xoá đói, giảm nghèo trong thanh niên góp phần xây dựng đất nước.

2.3.2. Củng cố, bồi dưỡng và phát huy tinh thần nhân nghĩa cho thế hệ trẻ.

Trong quan niệm tính thiện, Mạnh Tử đã đề cập khá phong phú, sâu sắc *nhân* và *nghĩa*. Ông đã chỉ ra nguồn gốc, bản chất biểu hiện và vai trò của *nhân*, của *nghĩa*; đồng thời nâng *nghĩa* lên ngang hàng với *nhân*.

Ở nước ta, tinh thần nhân nghĩa vốn là truyền thống đạo lý cao đẹp được hình thành, hun đúc trải qua hàng ngàn năm lịch sử, nhờ đó đã góp phần tạo nên sức mạnh đoàn kết, bản sắc độc đáo của dân tộc.

Do đó, giáo dục tinh thần nhân nghĩa cho thế hệ trẻ, trước hết phải giáo dục tình yêu thương sâu nặng, bổn phận và trách nhiệm thiêng liêng của thế hệ trẻ đối với những người thân yêu trong gia đình, Mạnh Tử luôn xem đây là biểu hiện, cơ sở, tiền đề để phát huy tinh thần nhân nghĩa trong tâm của con người.

Trên cơ sở tình yêu và trách nhiệm đối với người thân phải được bồi dưỡng, giáo dục nâng lên tình yêu và trách nhiệm của công dân đối với tập thể, xã hội và sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2.3.3. Nâng cao ý thức tự giáo dục và rèn luyện đạo đức của thế hệ trẻ.

Mạnh Tử yêu cầu con người phải chuyên tâm, cần cù, nhẫn nại, kiên trì, bền chí thì việc giáo dục tính thiện mới có hiệu quả. Còn nếu ai không kiên trì, bền bỉ, vượt khó trong giáo hóa đạo đức thì chẳng khác gì người đào giếng thối chí.

Để phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của thế hệ trẻ, trước hết phải giáo dục tính tự giác, tinh thần trách nhiệm cho họ. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự giáo dục của thế hệ trẻ bằng những hoạt động thực tiễn, thiết thực và hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh.

Tự giáo dục, rèn luyện đạo đức đòi hỏi thế hệ trẻ phải biết biến những tri thức đạo đức tiếp thu được từ nhà trường, xã hội thành những hiểu biết của bản thân, thành tình cảm, niềm tin, lý tưởng đạo đức và được thể hiện ở hành vi đạo đức của chính mình, đồng thời phải có sự tự giác, quyết tâm, ý chí và nghị lực vươn lên không ngừng, gia đình, nhà trường và xã hội cần có sự hỗ trợ, tạo điều kiện.

2.3.4. Phát huy vai trò giáo dục của gia đình.

Đạo đức mà Mạnh Tử muốn xây dựng đó chính là những chuẩn mực trong đối nhân xử thế giữa người với người, mà trước hết là từ trong gia đình rồi tới xã hội. Nếu người nào đến cha mẹ, anh em mình mà không yêu thương thì làm sao mà có thể thương yêu và kính trọng người khác trong xã hội. Do vậy, người nào giữ được *Hiếu, Đễ* sẽ xây dựng được gia đình tốt, và gia đình tốt thì xã hội sẽ tốt đẹp. Ngược lại, gia đình tốt sẽ là nền tảng để xây dựng những con người có đạo đức tốt.

Có thể nói, gia đình có vai trò hết sức quan trọng trong việc giáo dục con người. Đây chính là môi trường định hướng nhân cách,

đạo đức, lối sống; là ngôi trường đầu tiên dạy cho mỗi cá nhân những bài học về cách làm người, đồng thời là chỗ dựa tinh thần cho mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời. Đảng ta khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng trong giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”.

2.3.5. Xây dựng chuẩn mực đạo đức mới cụ thể, sinh động, thiết thực và có cơ chế thực hiện.

Nho giáo nói chung và quan niệm tính thiện của Mạnh Tử nói riêng rất chú ý đến việc xây dựng thực thi các chuẩn mực đạo đức cho xã hội. Những phạm trù như “ngũ luân”, “ngũ thường”, “tam cương” đã được xác định là những nguyên tắc đạo đức chính trị xã hội bất di, bất dịch nhằm duy trì trật tự, kỷ cương xã hội. *Nhân, lễ, nghĩa, trí* trong quan niệm tính thiện của Mạnh Tử vừa là biểu hiện tính thiện của con người vừa là cơ sở để các nhà tư tưởng về sau kế thừa xây dựng nên những chuẩn mực đạo đức của các bậc thánh nhân, quân tử và trượng phu.

Đối với thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay cần phải xây dựng các chuẩn mực đạo đức mới để phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước như: trung thực, lễ phép, hiếu thảo, kỷ luật, kiên nhẫn, thương người, ý thức pháp luật, có tinh thần trách nhiệm, say mê công việc, năng động, sáng tạo, tự lập, tôn trọng tự do cá nhân, tôn trọng quyền sở hữu, công bằng, bình đẳng, dân chủ, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu ...

Sau khi xây dựng được những chuẩn mực đạo đức cụ thể phù hợp, vấn đề còn lại là phải giáo dục đạo đức, tổ chức thực hiện nó thật sự nghiêm túc đây là quá trình có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức.

2.3.6. Thực hiện phương pháp nêu gương.

Trong quá trình giáo dục, thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực đạo đức. Những tấm gương đạo đức sinh động thông qua người thật, việc thật không chỉ có tác động vào tình cảm, niềm tin, ý chí mà còn tác động trực tiếp đến hành vi đạo đức của thế hệ trẻ. Mạnh Tử cũng đã từng nói hễ ở trên vua ăn ở có nhân thì chẳng ai cư xử bất nhân. Hễ ở trên vua nói theo điều nghĩa, thì chẳng ai bỏ bê việc nghĩa. (Quân nhân, mạc bất nhân. Quân nghĩa, mạc bất nghĩa) [10, tr.42-43].

Do đó, tuyên dương những tấm gương thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, lối sống lành mạnh; các tấm gương hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, sự gương mẫu của cha mẹ, thầy cô và những người xung quanh, những tấm gương sáng trong tình bạn, về sự thủy chung son sắt vợ chồng, những tấm gương lao động sáng tạo... là hết sức cần thiết để tạo ảnh hưởng tích cực đến quá trình tự giáo dục và rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, khi nói đến vấn đề tính thiện và giáo dục tính thiện trong con người, không ai quên tư tưởng giáo dục của Mạnh Tử.

Mặc dù sống trong bối cảnh “đời suy, đạo hỏng” thời Xuân thu – Chiến quốc, nhưng Mạnh Tử vẫn nhìn thấy bản chất, sức mạnh trong chiều sâu ở tâm tính con người, đó là tính thiện và ông tin tưởng rằng ai cũng có thể trở thành thánh thiện nếu như bản chất thiện đó được gìn giữ và giáo dục tốt. Trên cơ sở đó, Mạnh Tử không

ngừng cũng cố, truyền bá, giáo hóa những tư tưởng của mình về bản tính hướng thiện trong con người.

Mạnh Tử đã “vô tình” công hiến cho nền học thuật Trung Hoa nói riêng và nhân loại nói chung một hệ thống các phạm trù *nhân, nghĩa, lễ, trí* khá phong phú và sâu sắc.

Những quan niệm của Mạnh Tử về phương pháp giáo dục tính thiện cho con người, như tính tất yếu, mục đích, nội dung và những yêu cầu đối với người dạy, người học...cũng là một trong những đóng góp to lớn và quý báu vào kho tàng lý luận giáo dục của Trung Hoa và nhân loại.

Bên cạnh những giá trị, quan niệm tính thiện của Mạnh Tử cũng không tránh khỏi những hạn chế nhất định, đó là tính chất tiên nghiệm luận, thần bí và dấu ấn của sự phân biệt đẳng cấp, danh phận khá đậm nét và sâu sắc trong quan niệm tính thiện của Mạnh Tử.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước việc xây dựng con người mới trở thành một nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì sự nghiệp xây dựng con người mới tồn tại không ít những hạn chế. Trong đó, đáng chú ý là sự suy thoái đạo đức ở một bộ phận không nhỏ nhân dân đặc biệt ở thế hệ trẻ.

Vì vậy, khi nghiên cứu quan niệm tính thiện của Mạnh Tử chúng ta phải thấy được rằng, trong quan niệm tính thiện của Mạnh Tử vẫn còn nhiều bài học có ý nghĩa thiết thực trong việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ - lực lượng quyết định tương lai của đất nước. Do đó, việc nghiên cứu quan niệm tính thiện của Mạnh Tử để từ đó thấy được ý nghĩa của nó đối với việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay là một việc làm hết sức cần thiết.